

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ TÂY NINH
TỈNH TÂY NINH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 42/2021/DS-ST
Ngày: 06/5/2021
V/v “*Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TÂY NINH, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Thanh Hoa

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Tấn Phát

2. Bà Lưu Thị Kiên

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Văn Ninh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Dương Thị Tiểu Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh đưa ra xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 566/2020/TLST-DS ngày 23 tháng 11 năm 2020 về “*Tranh chấp hợp đồng mua bán*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 52/2021/QĐST-DS ngày 05 tháng 4 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 32/QĐST-DS ngày 23/4/2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên sản xuất và thương mại H; Địa chỉ: Tổ 5 ấp 5 xã S, huyện T, tỉnh TN.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Anh S; Chức vụ: Chủ tịch công ty.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Thanh T, sinh năm: 1959; Địa chỉ: 62/1 đường A, khu phố B, Phường L, thị xã H, tỉnh TN. Có mặt

Bị đơn: Ông Phạm Văn H, sinh năm: 1967; Địa chỉ: Số 554 Đường C, khu phố X, Phường Y, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, quá trình tố tụng nguyên đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên sản xuất và thương mại H (gọi tắt là công ty H) do ông Nguyễn Thanh T đại diện trình bày:

Ngày 30/3/2018 giữa công ty H và ông Phạm Văn H ký Hợp đồng trừ dần với số tiền công ty cho ông H vay là 100.000.000 đồng. Mục đích là cho ông H vay để đi thu mua mủ cao su tại các vườn và đem mủ cao su về bán lại cho Công ty. Số tiền thu mua mủ cao su của ông H, công ty sẽ trừ dần vào số tiền ông H đã vay.

Cũng bằng hình thức như trên, ngày 12/5/2018, công ty tiếp tục ký hợp đồng với ông H, với số tiền là 200.000.000 đồng. Sau khi ký hợp đồng và nhận tiền, ông H có thực hiện việc giao mủ cao su cho công ty để trừ dần số tiền đã vay. Ông H đã giao cho công ty số mủ tương ứng với số tiền 62.204.655 đồng thì ngưng không giao nữa. Công ty đã nhiều lần yêu cầu ông H đến bàn bạc, giải quyết số tiền còn lại nhưng ông H không hợp tác, không đến giải quyết. Nay công ty khởi kiện yêu cầu ông H trả lại tiền còn nợ là 237.795.345 đồng và lãi tính từ 01/10/2018 cho đến khi giải quyết xong theo mức lãi suất 12%/ năm.

Bị đơn Phạm Văn H trình bày:

Ông H thừa nhận lời trình bày của công ty H về 02 hợp đồng trừ dần là đúng. Ông đã nhận đủ 300.000.000 đồng và tiến hành công việc thu mua mủ cao su về bán lại cho công ty. Tiền bán mủ thực tế sẽ được trừ dần vào tiền ông đã nhận từ 02 hợp đồng trả dần mà Công ty H nêu trên. Ông không nhớ chính xác là đã giao cho công ty được số lượng mủ cao su tương ứng với bao nhiêu tiền, ông sẽ cung cấp chứng từ để đối chiếu, còn nợ bao nhiêu tiền ông sẽ trả theo yêu cầu công ty.

Tại phiên tòa:

Ông T đại diện cho nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu tính lãi cho công ty H từ ngày 04/7/2019 theo mức lãi suất quy định của pháp luật.

Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tây Ninh trình bày:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đảm bảo đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền theo Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa sơ thẩm dân sự; Thư ký thực hiện đúng theo quy định của pháp luật.

- Về chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, chấp hành tốt nội quy phiên tòa theo quy định của pháp luật.

- Đề xuất hướng giải quyết: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp căn cứ Điều 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự buộc ông H có nghĩa vụ trả cho công ty H số tiền còn nợ là 237.795.345 đồng và lãi tính từ 07/4/2019 theo quy định pháp luật. Án phí ông H phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa và ý kiến của Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Công ty H khởi kiện ông H yêu cầu trả số tiền đã vay theo hình thức trả dần bằng cách trừ vào tiền bán mủ cao su ông Hạnh bán cho công ty H, không phải tranh chấp số lượng mủ cao su hai bên mua bán nên quan hệ pháp luật là “Tranh chấp hợp đồng đồng vay tài sản” không phải là “Tranh chấp hợp đồng mua bán” như Tòa án đã xác định khi thụ lý vụ án.

Công ty H khởi kiện ông H về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”. Ông H cư trú tại thành phố Tây Ninh nên Tòa án nhân dân thành phố Tây Ninh thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn ông Phạm Văn H được Tòa án triệu tập hợp lệ 02 lần nhưng vắng mặt không có lý do, căn cứ khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông H.

[2] Về nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[2.1] Về số tiền vay: Nguyên đơn và bị đơn thống nhất ngày 30/3/2018 và 12/5/2018 công ty H và ông H ký hợp đồng trừ dần với hình thức công ty cho ông H vay tiền. Số tiền cho vay và ông H đã nhận theo 02 hợp đồng đã ký là 300.000.000 đồng. Hai bên thỏa thuận ông Hạnh trả bằng hình thức bán mủ cao su cho công ty H, số tiền ông H bán mủ cao su cho công ty H sẽ được trừ vào tiền nợ trong 02 hợp đồng đã ký nên có đủ căn cứ xác định ông H được công ty cho vay số tiền 300.000.000 đồng để thu mua mủ cao su và điều kiện ràng buộc là ông H phải bán lại mủ cao su cho công ty để trả nợ. Ông H đã nhận đủ tiền và thực hiện trả nợ theo điều kiện thỏa thuận nên Hợp đồng giữa hai bên là hợp đồng vay tài sản, quyền và nghĩa vụ của hai bên được thực hiện theo các quy định tại Điều 463, 464, 465 của Bộ luật Dân sự.

[2.2] Về quá trình thực hiện nghĩa vụ của ông H: Theo công ty thì ông H đã thực hiện nghĩa vụ trả cho công ty số tiền 62.204.655 đồng, cụ thể:

Tại phiếu thu số R1809-0007 nợ 111 có 3311 ngày 04/9/2018 ông Hạnh trả 24.842.410 đồng;

Tại phiếu thu R1809-0006 nợ 111 có 3311 ngày 04/9/2018 ông Hạnh trả 20.000.000 đồng,

Tại phiếu thu R1809-0015 nợ 111 có 3311 ngày 12/9/2018 ông Hạnh trả 17.362.245 đồng.

Ông H không nhớ chính xác là đã trả được bao nhiêu tiền và không có chứng cứ gì chứng minh nên có căn cứ xác định ông Hạnh đã thực hiện trả tiền đầu tư cho công ty H số tiền là 62.204.655 đồng và còn nợ công ty H số tiền 237.795.345 đồng nên ông H có nghĩa vụ phải trả cho công ty H số tiền này theo quy định tại Điều 466 của Bộ luật Dân sự.

[2.3] Về lãi suất: Công ty yêu cầu ông H trả lãi suất theo quy định pháp luật tính từ ngày 04/7/2019, thấy rằng:

Theo thỏa thuận tại Điều 1, 2 của Hợp đồng trừ dần ngày 30/3/2018 thì ông H phải trả cho công ty H số tiền 100.000.000 đồng bắt đầu từ ngày 01/8/2018 và hạn cuối cùng là ngày 21/9/2018. Số tiền 200.000.000 đồng tại Hợp đồng trừ dần ngày 12/5/2018 giữa hai bên không thỏa thuận thời gian bắt đầu trả và thời hạn cuối cùng phải trả là ngày nào. Cả hai hợp đồng đều thỏa thuận nếu quá thời hạn 10 ngày mà ông H không trả tiền thì ông H phải thanh toán cho công ty H tiền gốc và tiền lãi theo mức lãi suất quá hạn của Ngân hàng thương mại cổ phần công đầu tư

và phát triển Việt Nam – Chi nhánh Tây Ninh. Do ông H vi phạm nghĩa vụ nên ông H phải trả lãi theo quy định tại Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Xét thấy, lãi suất quá hạn của Ngân hàng thương mại cổ phần công đầu tư và phát triển Việt Nam – Chi nhánh Tây Ninh mà hai bên thỏa thuận trong hợp đồng để làm căn cứ tính lãi thì ở Việt Nam không có tổ chức tín dụng nào có tên như trong 02 hợp đồng đã nêu nên Tòa án không có căn cứ để xác định. Căn cứ vào các chứng cứ nguyên đơn cung cấp thì ngày cuối cùng ông H trả nợ là ngày 12/9/2018 nên có căn cứ xác định ông H vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng hai bên thỏa thuận là từ ngày 22/9/2018. Tại phiên tòa, người đại diện của công ty H yêu cầu tính lãi quá hạn kể từ ngày 04/7/2019 tính theo thông báo thu hồi nợ của công ty là có căn cứ chấp nhận.

Về mức lãi suất quá hạn: Do mức lãi suất khi vi phạm nghĩa vụ hai bên thỏa thuận theo tổ chức tín dụng không tồn tại nhưng do hai bên có thỏa thuận chịu lãi nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự để tính lãi. Theo quy định tại khoản 2 Điều 468 thì mức lãi quá hạn thì mức lãi suất là 10%/năm, do đó Công ty yêu cầu mức lãi suất 1,25%/tháng là không có căn cứ chấp nhận. Số tiền lãi ông H phải trả cho công ty từ ngày 04/7/10/2019 tới ngày xét xử là: $237.795.345 \text{ đồng} \times 10\% / \text{năm} \times 22 \text{ tháng} 02 \text{ ngày} = 43.728.000 \text{ đồng}$.

Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử thấy yêu cầu khởi kiện của công ty H có căn cứ chấp nhận. Buộc ông H có nghĩa vụ trả cho công ty H số tiền gốc là 237.795.345 đồng, tiền lãi là 43.728.000 đồng, tổng cộng làm tròn là 281.523.000 đồng.

[3] Về án phí:

Do yêu cầu khởi kiện của công ty H được Tòa án chấp nhận nên ông H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[4] Lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tây Ninh có căn cứ chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều của 463, 464, 466, 468, 469 của Bộ luật Dân sự.

Căn cứ vào Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên sản xuất và thương mại H đối với ông Phạm Văn H về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Buộc ông Phạm Văn H phải trả cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên sản xuất và thương mại H số tiền nợ gốc là 237.795.345 (Hai trăm ba mươi bảy

triệu bảy trăm chín mươi lăm ngàn ba trăm bốn mươi lăm) đồng và lãi là 43.728.000 (Bốn mươi ba triệu bảy trăm hai mươi tám ngàn) đồng; tổng cộng làm tròn là 281.523.000 (Hai trăm tám mươi một triệu năm trăm hai mươi ba ngàn) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí sơ thẩm dân sự:

- Ông Phạm Văn H phải chịu 14.076.000 đồng.

- Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên sản xuất và thương mại H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 6.682.000 đồng theo biên lai thu số 0000888 ngày 23/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tây Ninh.

3. Dương sự có quyền kháng cáo bản án này lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án hoặc kể từ ngày bản án được tổng đạt, niêm yết hợp lệ đối với dương sự vắng mặt theo quy định tại khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND. tỉnh Tây Ninh;
- VKSNDTP. Tây Ninh;
- CCTHADSTP. Tây Ninh;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đinh Thị Thanh Hoa

